CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	151,835
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52
P/E	-0.8
EPS	-1,992

	YTD	1T	3T	6T
HHG	0.0%	-6.3%	7.1%	0.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

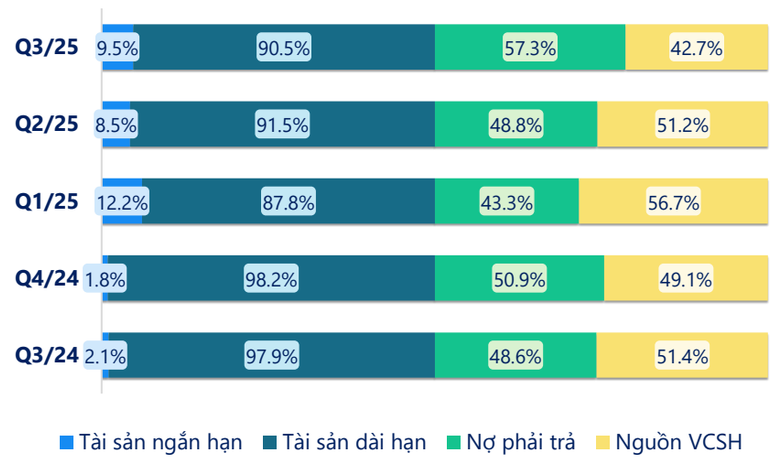

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

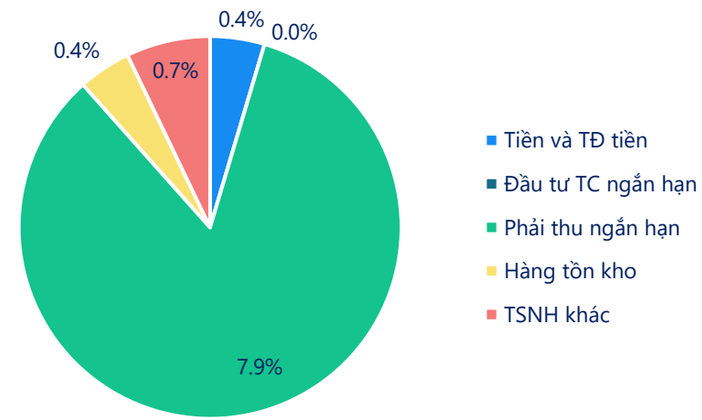

Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

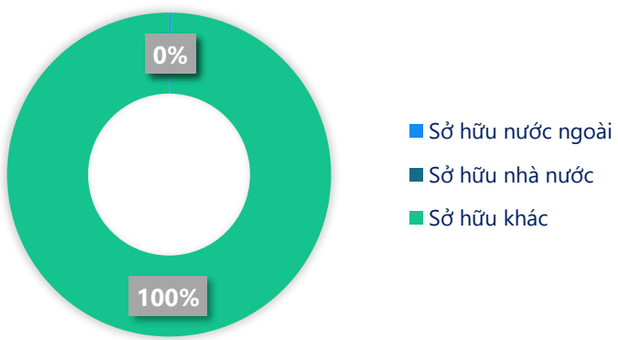

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

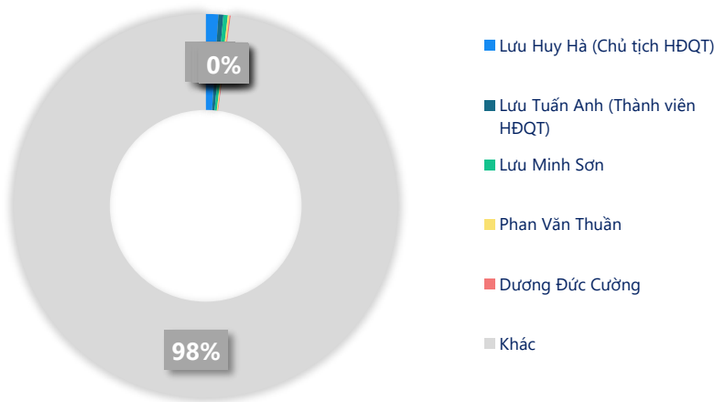

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

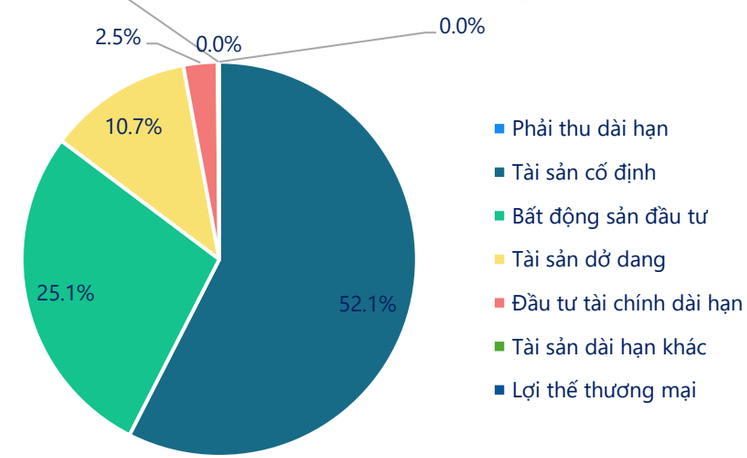

Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

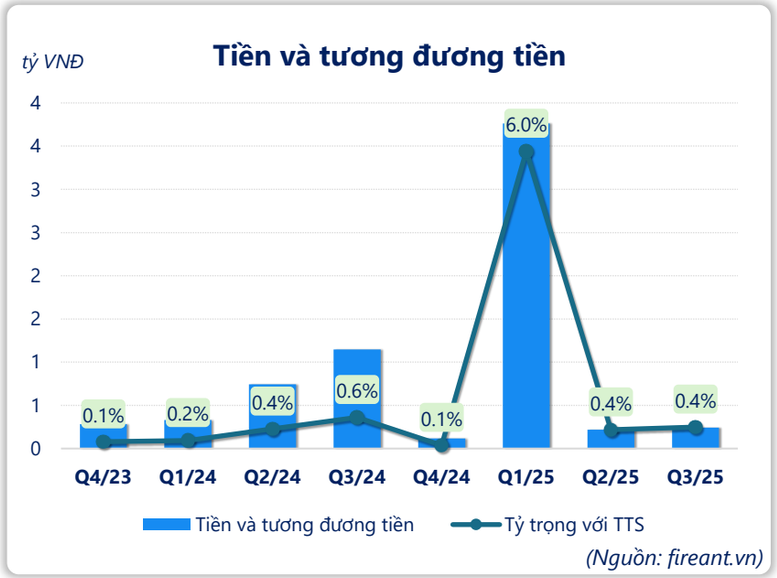

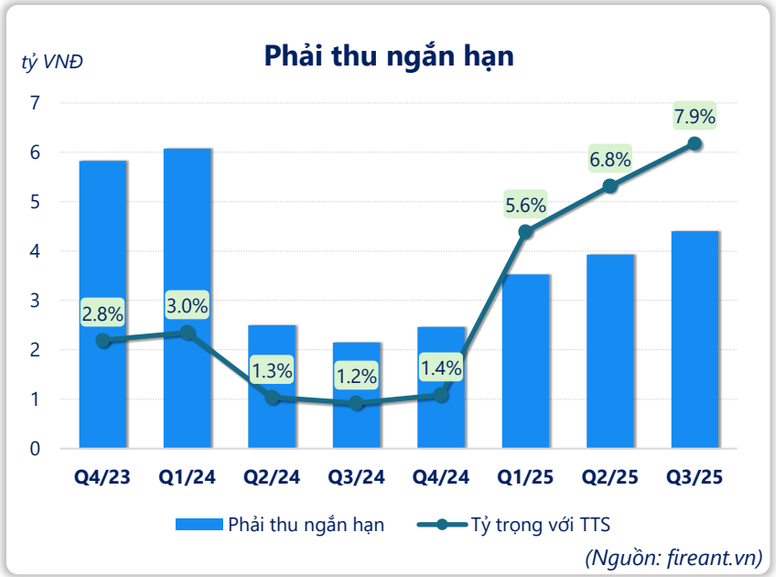

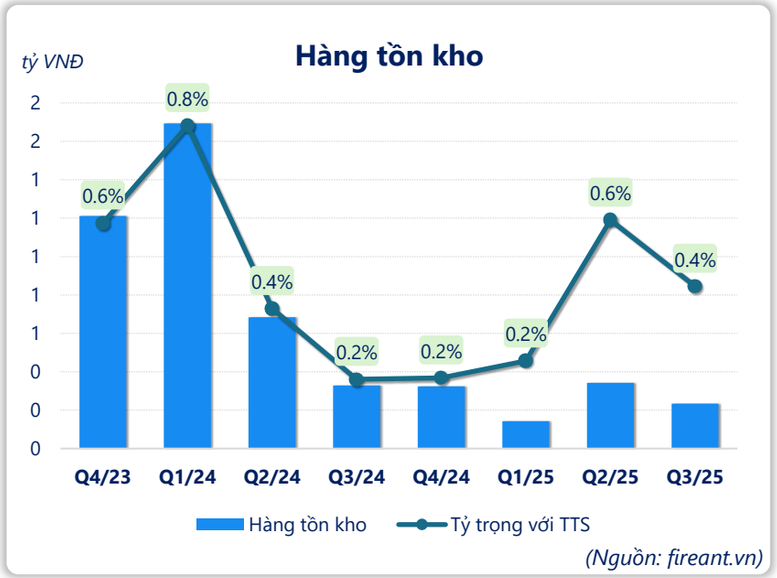

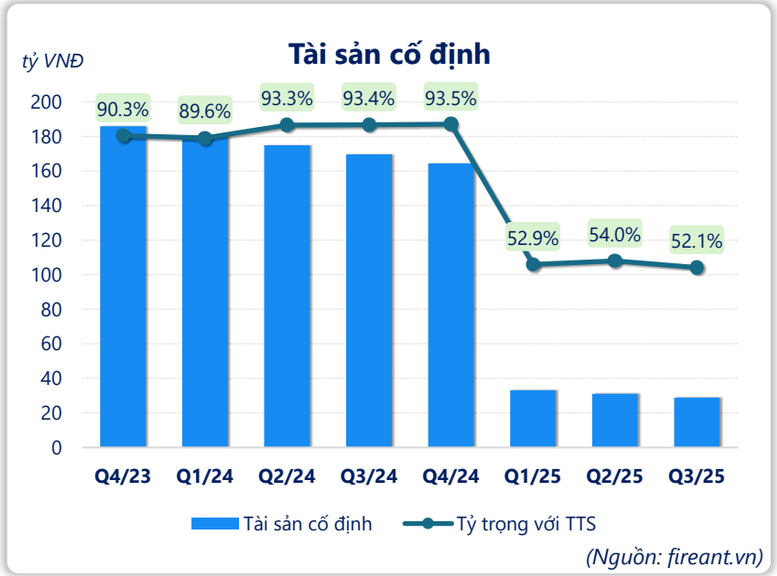

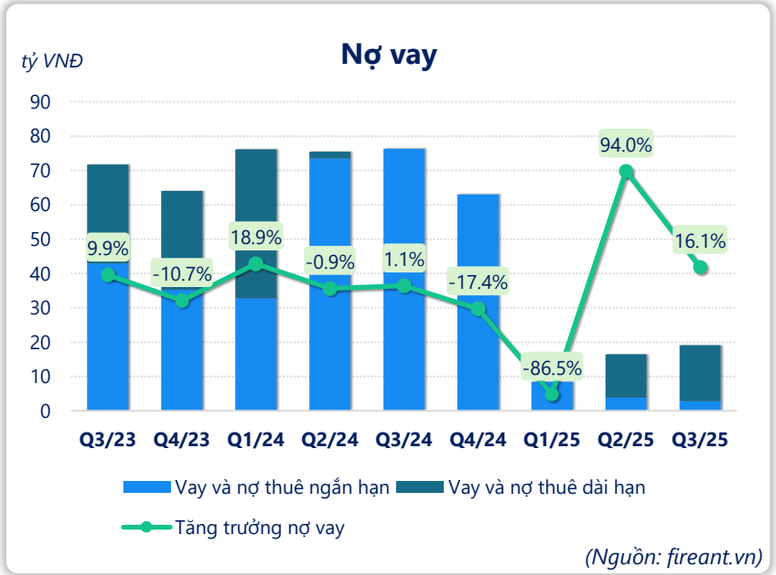

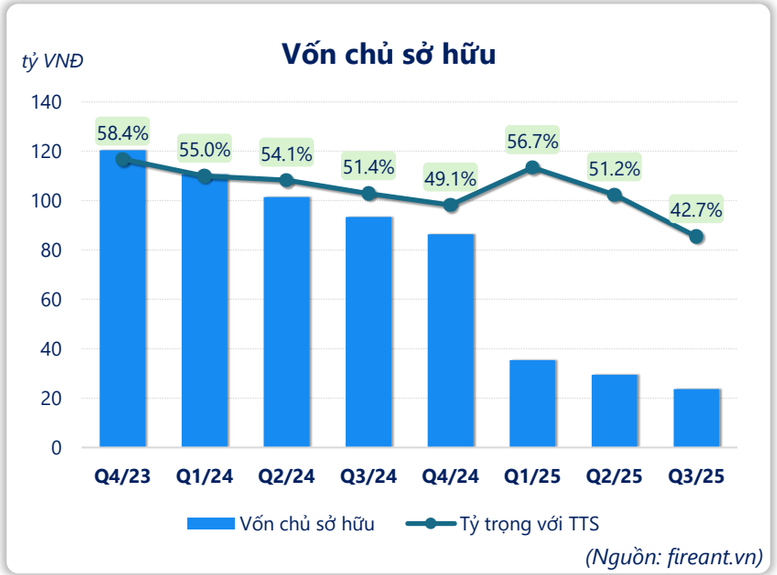

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

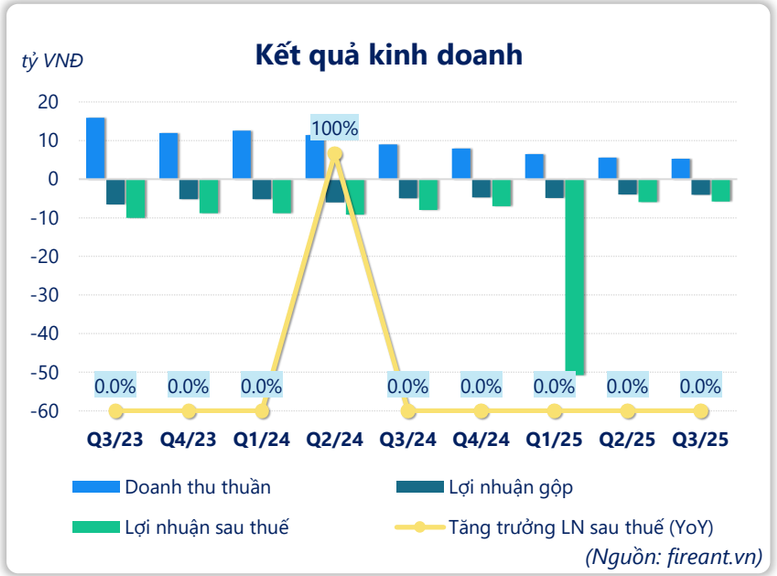

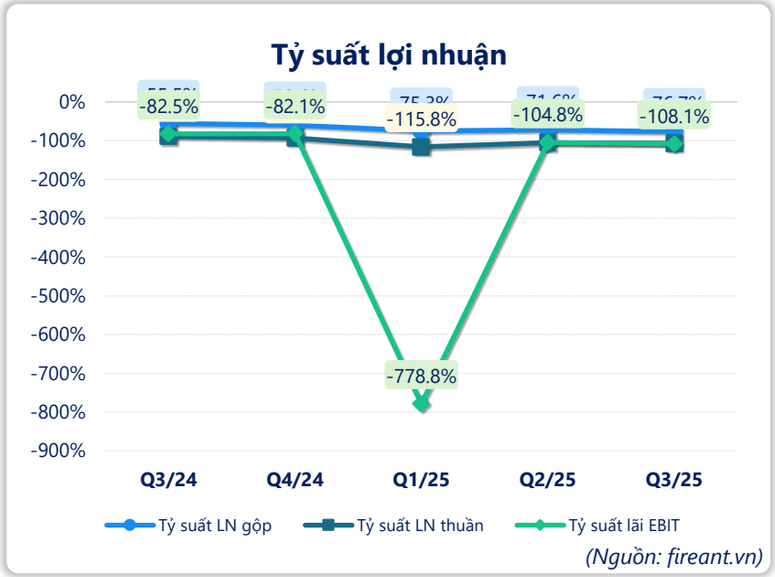

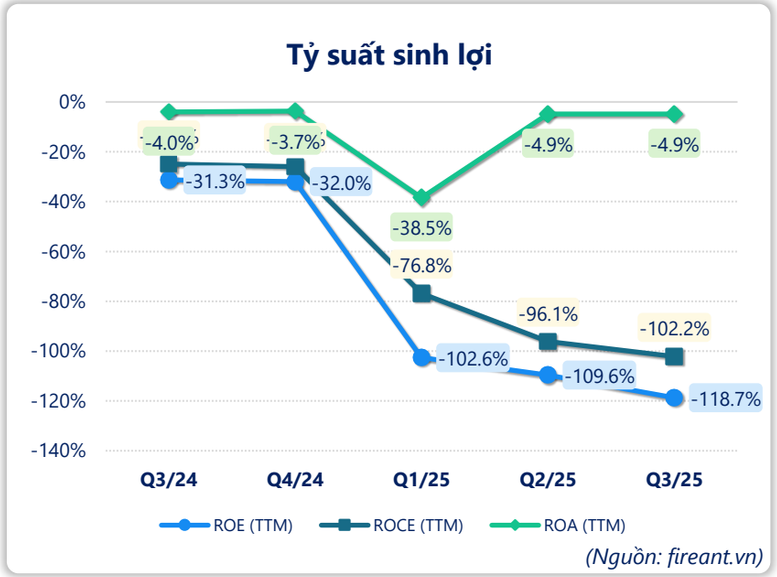

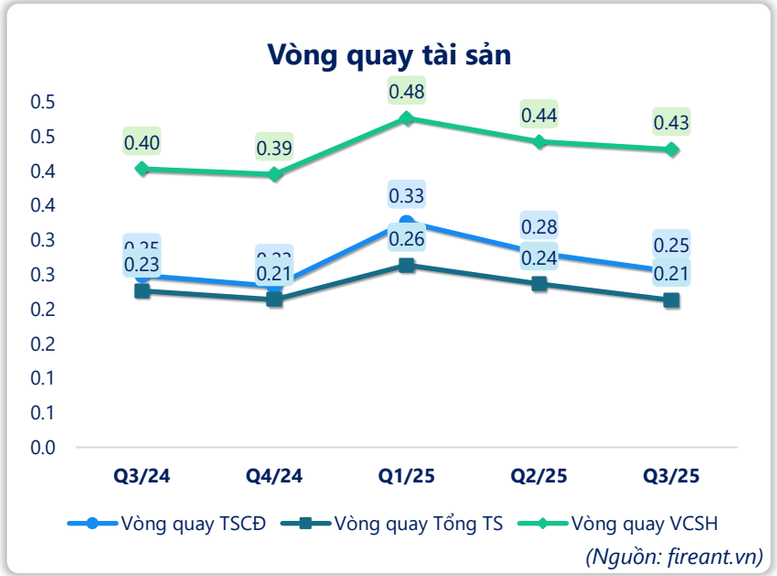

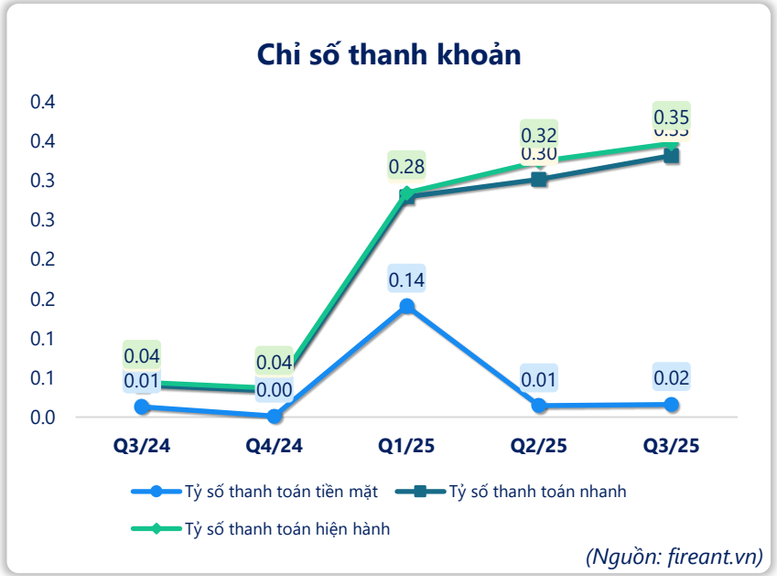

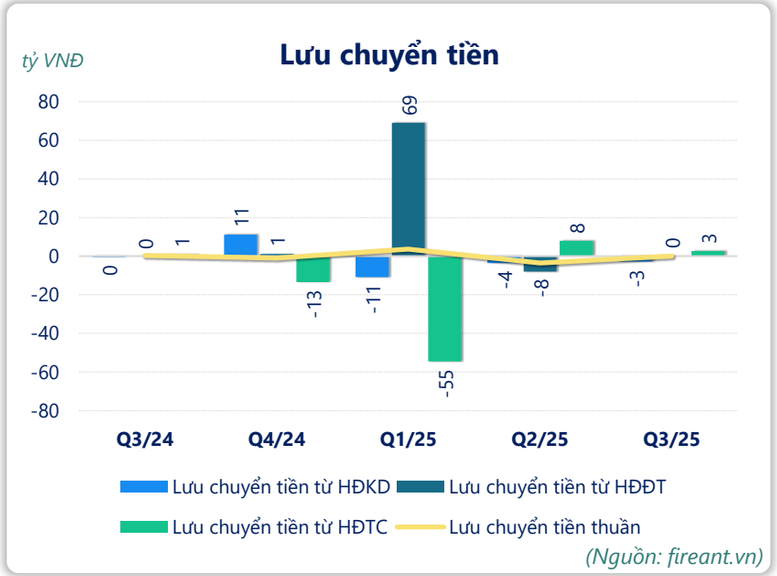

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**55.4**	**176**	**-68.5%**
Tài sản ngắn hạn	5.25	3.77	39.5%
Tiền và tương đương tiền	0.24	0.12	106%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.40	2.97	48.1%
Hàng tồn kho	0.23	0.32	-27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.35	6.6%
Tài sản dài hạn	**50.2**	**172**	**-70.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	28.9	150	-80.8%
Bất động sản đầu tư	13.9	14.5	-4.0%
Tài sản dở dang	5.93	5.93	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.40	1.40	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.25**	**-73.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	31.7	89.7	-64.6%
Nợ ngắn hạn	**15.1**	**89.3**	**-83.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.81	63.0	-95.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.14	5.67	26.0%
Nợ dài hạn	16.6	0.34	4761%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.3	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**23.7**	**86.2**	**-72.5%**
Vốn chủ sở hữu	**23.7**	**86.2**	**-72.5%**
Vốn điều lệ	349	349	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	8.97	7.92	6.48	5.56	5.27
Giá vốn hàng bán	14.0	12.6	11.4	9.54	9.32
Lợi nhuận gộp	-4.98	-4.72	-4.88	-3.98	-4.04
Doanh thu HĐTC	0.01	0.34	0.25	0.28	0.25
Chi phí TC	0.60	0.52	0.32	0.10	0.07
Chi phí lãi vay	0.60	0.52	0.28	0.13	0.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.43	2.49	2.55	2.06	1.77
LN thuần từ HĐKD	-7.99	-7.38	-7.50	-5.86	-5.64
Lợi nhuận khác	-0.01	0.36	-43.2	-0.10	-0.13
LN trước thuế	-8.01	-7.02	-50.7	-5.96	-5.77
Lợi nhuận sau thuế	-8.01	-7.03	-50.7	-5.97	-5.78
LNST của CĐ cty mẹ	-8.01	-7.03	-50.7	-5.97	-5.78

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.50	11.2	-10.8	-3.52	-2.88
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	1.19	69.0	-8.00	0.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.82	-13.4	-54.5	7.98	2.65
Tiền đầu kỳ	0.74	1.15	0.12	3.76	0.22
Lưu chuyển tiền thuần	**0.40**	**-1.03**	**3.65**	**-3.55**	**0.02**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.15	0.12	3.76	0.22	0.24

(Nguồn: fireant.vn)